

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM THỬ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM THỬ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LABORATORY AND TESTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LABO.IO., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107998711

**3. Ngày thành lập:** 21/09/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, tòa nhà Thái Bình, 2A Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.625 443 14

Fax:

Email: [info@labo.io](mailto:info@labo.io)

Website: <http://labo.io>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649     |
| 2.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1820     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; | 5229     |
| 4.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7220     |
| 5.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310     |
| 6.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2750     |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                                                                                                                                                | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7490 |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8560 |
| 11. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2610 |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651 |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4659 |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6311 |
| 17. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619 |
| 18. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7120 |
| 19. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7210 |
| 20. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9511 |
| 21. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811 |
| 22. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1812 |
| 23. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2620 |
| 24. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559 |
| 25. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2740 |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3312 |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | Cổng thông tin<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);                                                                                                    | 6312        |
| 28. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6329        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                          | 4791        |
| 30. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                | 5820        |
| 31. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201        |
| 32. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                              | 6202(Chính) |
| 33. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                   | 2630        |
| 34. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                          | 2680        |
| 35. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                          | 3320        |
| 36. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                             | 4641        |
| 37. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4742        |
| 38. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4762        |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                   | 7410        |
| 40. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                         | 7320        |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                              | 8299        |
| 42. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                             | 8532        |
| 43. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                       | 9512        |
| 44. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                     | 9521        |
| 45. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                               | 2640        |
| 46. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4761        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

*Một tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TỰ VẤN QUẢN LÝ LIÊN DOANH | Tầng 5, tòa nhà Thái Bình, số 2A Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 24.000     | 240.000.000           | 24,000    | 0107937638                                                                                  |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 24.000     | 240.000.000           | 24,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TUẤN DŨNG                                   | Số 17 Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 20.000.000            | 2,000     | 001083019473                                                                                |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 2.000      | 20.000.000            | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐOÀN TRƯỜNG SON                                    | Số 14, ngõ 167 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 20.000.000            | 2,000     | 001086007111                                                                                |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 2.000      | 20.000.000            | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | LÊ THỊ VĨNH LINH                                   | Số 9 Hòe Nhai, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 35.000     | 350.000.000           | 35,000    | 001185001959                                                                                |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 35.000     | 350.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | TRỊNH MINH GIANG                                   | Số 5, ngách 29, ngõ 592 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 37.000     | 370.000.000           | 37,000    | 011768415                                                                                   |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 37.000     | 370.000.000           | 37,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/08/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001083019473*

Ngày cấp: *03/10/2016*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 17 Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 17 Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*